

NGHIÊN CỨU SO SÁNH QUAN HỆ HÔN NHÂN - GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI KINH Ở HUNG HÀ- THÁI BÌNH VÀ ĐIỆN BIÊN - LAI CHÂU

NGÔ THỊ CHÍNH

Nghiên cứu sự thay đổi trong nếp sống, văn hóa của người dân di cư có thể cho biết về tính chất của các yếu tố văn hóa - xã hội tộc người. Bài này giới hạn nghiên cứu một số khía cạnh trong quan hệ hôn nhân - gia đình của người Kinh di dân ở hai địa bàn khác nhau về môi trường tự nhiên và nguồn gốc. Địa bàn thứ nhất là một xã thuộc vùng núi Tây Bắc tại lòng chảo Điện Biên - xã Thanh Luông (huyện Điện Biên tỉnh Lai Châu). Địa bàn thứ hai là một xã thuộc vùng châu thổ đồng bằng Bắc Bộ: xã Cộng Hòa (huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình)- quê cũ của người Kinh xã Thanh Luông.

Việc nghiên cứu so sánh nhằm xác định sự biến đổi trong quan hệ hôn nhân gia đình ở hai môi trường khác nhau. Sự giống và khác nhau của các yếu tố ở hai môi trường sẽ phản ánh sự ổn định và biến đổi của đối tượng được nghiên cứu của cùng một xã hội nông nghiệp nhưng ở những hoàn cảnh đặc thù khác nhau.

1. Cấu trúc gia đình

Giống như trong cả nước, gia đình ở hai xã Thanh Luông và Cộng Hòa, chủ yếu là gia đình nhỏ với 2 thế hệ, bao gồm một cặp vợ chồng (hoặc 1 trong 2 người) và con cái. Số gia đình 3 thế hệ không nhiều, thường là các gia đình bao gồm cặp vợ chồng, con cái và bố mẹ (hoặc một trong hai người) của cặp vợ chồng ấy (xem bảng 1). Chủ hộ của những gia đình này không nhất thiết là con trưởng. Một số ít là gia đình 3 thế hệ gồm cặp vợ chồng bố mẹ (hoặc một trong hai), cặp vợ chồng của con trai lớn cùng các em chưa có gia đình và các cháu. Nhưng những gia đình này chỉ tồn tại tạm thời. Các đôi vợ chồng mới kết hôn sau khi có con thường được tách ra, lập hộ gia đình mới.

Bảng 1: Tỷ lệ hộ theo cấu trúc gia đình tại Thanh luông và Cộng Hoà

Đ.v: %

Tên xã	Gia đình 2 thế hệ		Gia đình 3 thế hệ
	Gồm 1 cặp vợ chồng	Gồm 2 cặp vợ chồng	
Xã Thanh Luông	77	7	16
Xã Cộng Hoà	79	7	14

Nguồn: Nghiên cứu thực địa 1997 - 1998

Như vậy, tỷ lệ số hộ theo cấu trúc gia đình ở hai địa phương khá trùng khít nhau.

Liên hệ giữa tỷ trọng hộ theo cấu trúc gia đình với tỷ trọng theo nhân khẩu và nguồn sống có thể thấy tính ổn định của cấu trúc gia đình ở hai địa phương. Thiết chế xã hội cơ bản này gần như vẫn giữ nguyên cấu trúc của nó, phù hợp với sự vận hành của nền nông nghiệp lúa nước.

2. Quan hệ hôn nhân

Trong điều kiện nguồn sống chính là nông nghiệp, việc lấy người cùng xã chủ yếu gắn chặt với lợi ích ruộng đất: Ở cả hai nơi, ruộng đất được chia theo xã. Nếu kết hôn với người cùng xã, người vợ vẫn giữ được phần đất của mình để đảm bảo cuộc sống. Vì vậy, kết hôn trong phạm

vi làng xã vẫn là chủ yếu. Thống kê về quan hệ hôn nhân theo nơi cư trú và tộc người tại hai xã cho thấy, tuy ở 2 nơi xa nhau, môi trường địa lý và xã hội không giống nhau, nhưng tỷ lệ kết hôn trong phạm vi làng xã xấp xỉ nhau, khoảng trên 60% (xem bảng 2).

Bảng 2: Quan hệ hôn nhân theo nơi cư trú và tộc người tại Thanh Lương và Cộng Hoà

Đ.v: %

Tên xã	Theo nơi cư trú			Theo tộc người	
	Cùng làng	Cùng xã	Ngoài xã	Kinh và Kinh	Kinh và Thái
Thanh Lương	32	31	37	93	7
Cộng Hoà	30	37	33	100	

Nguồn: UBND hai xã Cộng Hòa và Thanh Lương.

Tuy vậy, cần nhận thấy rằng các cặp hôn nhân hôn hợp dân tộc trong phạm vi cùng một xã cũng rất hiếm. Toàn xã Thanh Lương, cho đến thời điểm điều tra, chỉ có 7 % số cặp hôn nhân giữa người Kinh và người Thái. Điều này cho thấy họ vẫn chưa vượt qua được ranh giới tộc người.

3. Địa bàn lập nghiệp của những người có quan hệ ruột thịt

Địa bàn lập nghiệp của những người có quan hệ ruột thịt không chỉ thể hiện quan hệ cục bộ hay ly tán của gia đình, mà còn phản ánh ảnh hưởng của các mối quan hệ kinh tế - xã hội đến lĩnh vực này.

Trong các hộ được khảo sát tại xã Cộng Hòa, 35% số hộ không có người ruột thịt lập nghiệp xa quê, tại thôn Cộng Hòa (xã Thanh Lương) - 23%. Sự khảo sát theo mục đích được định ra chỉ theo những gia đình có những người thân lập nghiệp xa nơi ở của chủ hộ.

Những quan hệ này bao gồm chủ hộ với bố mẹ, con cái và anh chị em của mình. Bảng 3 dưới đây sẽ cho thấy sự ảnh hưởng này.

Bảng 3: Tỷ số gia đình những người ruột thịt của chủ hộ theo địa bàn lập nghiệp

Đ.v: %

Địa bàn lập nghiệp	Bố mẹ	Con trưởng	Con thứ	Con gái	Anh cả	Anh em trai thứ	Chị em gái	Trung bình
Xã Thanh Lương								
Trong xã	73	67	100	67	67	32	51	54
Ngoài xã	27	33		33	33	68	49	46
Trong đó: Ở quê cũ (xã Cộng Hòa)	27	33			33	18	15	16
Tổng số	100	100	100	100	100	100	100	100
Xã Cộng Hoà								
Trong xã	86	25	29	29	40	50	65	51
Ngoài xã	14	75	71	71	60	50	35	49
Tổng số	100	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Nghiên cứu thực địa 1997 - 1998

Tỷ số trung bình cho thấy khoảng 50% gia đình những người ruột thịt của chủ hộ lập nghiệp cùng địa bàn với chủ hộ. Số còn lại lập nghiệp ngoài xã bao gồm từ cùng xã, cùng huyện tới cùng xã khác huyện và khác tỉnh, kể cả ở quê cũ (trong trường hợp chủ hộ ở Thanh Luông) hoặc ở vùng kinh tế mới (khi chủ hộ ở xã Cộng Hoà).

Như vậy, ở hai địa điểm này mức độ ly tán để lập nghiệp khá cao. Sự bám đất, sống khép kín trong lũy tre làng, ngay ở cả nơi màu mỡ như Thanh Luông cũng không lớn. Sự ly tán này có thể ảnh hưởng tới sự gắn bó của họ với quê hương.

Xem xét theo từng đối tượng thấy: Chỉ gia đình của bố mẹ chủ hộ thường ở cùng chỗ với chủ hộ. Tỷ lệ gia đình chị em gái ở cùng địa bàn với chủ hộ hoặc ở lại quê cũ chỉ sau tỷ số gia đình bố mẹ của người này.

Tại Thanh Luông, đa số các con trai có gia đình của chủ hộ đã lập nghiệp cùng địa bàn với ông ta, trừ một số trường hợp con cả vẫn ở lại quê cũ không đi theo lên quê mới. Ngược lại, tại xã Cộng Hoà, tỷ lệ nam giới (con trai, kể cả con trưởng, anh em trai, gồm cả anh cả của chủ hộ) lập nghiệp xa quê chiếm đa số.

Ở cả hai nơi, tỷ số nữ (con gái hoặc chị em gái của chủ hộ) lập nghiệp ở khác xã với chủ hộ chiếm từ 35- 70%. Đa số trong số họ đi theo chồng hoặc đi vùng kinh tế mới.

Như vậy có thể thấy: Địa vị trưởng nam (con trưởng, anh trưởng) không ràng buộc người Cộng Hoà ở lại nơi ở của cha mẹ nhiều như ở Thanh Luông.

4. Trình độ học vấn của các thành viên gia đình

Trình độ học vấn là một bộ phận của dân trí. Trong điều kiện còn nhiều hạn hẹp chưa thể tìm hiểu các mặt khác của dân trí, ở đây mới chỉ giới thiệu được trình độ học vấn.

Bảng 4: Trình độ học vấn tại Thanh Luông và Cộng Hoà

Đ.v:%

Thành viên	Thanh Luông				Cộng Hoà			
	Mù chữ	Tiểu học	PTCS	PTTH	Mù chữ	Tiểu học	PTCS	PTTH
Tổng số	3,3	14,1	68,5	14,1	1,4	14,4	73,2	11
Nữ (%so với tổng số)	7	13	73	7	3	18	71	8

Nguồn: Nghiên cứu thực địa 1997 - 1998

* PTCS - Phổ thông cơ sở.

** PTTH - Phổ thông trung học

Nói chung, các thành viên gia đình chủ yếu có trình độ học vấn PTCS. Trình độ học vấn của người dân ở xã Cộng Hoà và xã Thanh Luông tương đương nhau. Sự tương đương này có thể do nhu cầu học vấn để làm việc, lập nghiệp tại địa phương và ngoài địa phương của người dân ở cả hai xã giống nhau: Theo cơ cấu nghề nghiệp của lao động ở hai địa phương đã giới thiệu ở trên, hầu hết người lao động làm nông nghiệp, phần còn lại làm các nghề thủ công hoặc vận chuyển, dịch vụ giản đơn. Với các công việc này không đòi hỏi học vấn cao, kỹ thuật phức tạp, mà chủ yếu là kinh nghiệm được trao truyền qua học hỏi và chỉ bảo, quan sát.

Cũng chính sự tương đương học vấn này tạo thuận lợi cho sự di chuyển đi tìm việc làm giữa các địa phương với nhau.

5. Đời sống tinh thần của gia đình

Đời sống tinh thần truyền thống của gia đình ở cả hai địa phương vẫn được duy trì theo nếp cũ trong thờ cúng tổ tiên cũng như trong các lễ tết hàng năm.

Gia đình nào cũng có một bàn thờ để thờ cúng tổ tiên. Những gia đình của bố mẹ hoặc con trai trưởng còn có bàn thờ để thờ cúng tổ tiên, cha mẹ đã khuất. Ở Thanh Luông, những gia đình không có bố mẹ hoặc anh cả ở cùng, cũng có bát hương thờ gia tiên.

Hàng năm vào những dịp cúng giỗ ông bà, cha mẹ, những gia đình không có bố mẹ hoặc người anh cả ở Thanh Luông thường làm giỗ ngay ở nhà mình. Ít người về quê cũ ăn giỗ vì đường xá xa xôi, đi lại cách trở và tốn kém.

Họ chỉ về quê cũ khi có những việc đại sự như khi cha mẹ, ông bà khuất núi, vào các dịp bốc mộ cha mẹ, ông bà, hoặc các dịp cưới xin của những họ hàng, người thân cận.

Trong những năm 90 vừa qua, nhờ làm ăn khá khả và nhờ giao thông thuận lợi hơn, những người còn có bố mẹ ở quê cũ cũng hay về thăm quê và cha mẹ. Nhiều người dưới quê cũ cũng lên Thanh Luông thăm anh, chị em ruột thịt, họ hàng gần gũi. Vì vậy, họ luôn biết rõ sự biến đổi của người thân của mình ở quê cũ và quê mới.

Các lễ tết ở cả hai nơi, cũng như người Kinh Bắc Bộ nói chung gồm: Tết nguyên Đán, thượng nguyên (15/1), Thanh minh (3/3 âm lịch), Đoan Ngọ (5/5), Trung nguyên (15/7), Trung thu (15/8) và tết ông Táo (23/12). Ở đây người ta không ăn tết Trùng cửu (9/9) và Trùng thập (10/10).

Những tết này, thường được tổ chức tại nhà là chính. Ở xã Cộng Hoà, vào dịp 15/1 và 15/7 nhiều nhà đi lễ chùa và đền. Ở Thanh Luông, do không có đình, chùa, nên người ta chỉ lễ ở nhà.

Chi phí cho các lễ tết này chiếm từ 2% (tại xã Thanh Luông) tới 4% (tại xã Cộng Hoà) tổng chi tiêu hàng năm của các gia đình.

Mức chi phí tại xã Cộng Hòa cao hơn không phải vì mức sống tại đây cao hơn xã Thanh Luông, mà có nghĩa người quê cũ chú trọng lễ tết hơn những người di cư xa quê, và cũng còn vì họ có nhiều người để mời mọc hơn.

6. Vai trò của các thành viên trong các công việc trong và ngoài gia đình

Những kết quả trắc nghiệm dưới đây sẽ cho những chỉ số về vai trò của các thành viên gia đình theo thể hệ và giới tính trong một số công việc trong và ngoài gia đình.

Bảng 5: Vai trò của các thành viên trong một số công việc trong và ngoài gia đình

Đ.v: %

Thành viên tham gia Công việc	Chồng	Vợ	Vợ chồng	Con trai	Con gái	Các con	Cả nhà	Tổng số
Xã Thanh Luông								
Điều hành sản xuất	68	14	11	3,5			3,5	100
Sắp xếp việc nhà	40	43	14	3				100
Quản lý ngân sách	10	87		3				100
Dự đám trong họ	14		62				24	100
Dự đám hàng xóm	75	5	20					100
Lễ đình chùa	17	50	33					100

Họp bàn việc làng	69	6	19			6		100
Sinh hoạt đoàn thể	4	44	22		4		26	100
Xã Cộng Hoà								
Điều hành sản xuất	69	21	10					100
Sắp xếp việc nhà	57	31	12					100
Quản lý ngân sách	42	47	11					100
Dự đám trong họ	52	3	42				3	100
Dự đám hàng xóm	44	18	38					100
Lễ đình chùa	10	35	55					100
Họp bàn việc làng	88	6	6					100
Sinh hoạt đoàn thể	4	26	52				17	100

Nguồn: Nghiên cứu thực địa, 1997 - 1998.

Trong các công việc trên, sắp xếp việc nhà là phân công làm các công việc trong nhà, điều hành sản xuất là phân công làm các việc sản xuất ngoài nhà như công việc đồng áng, làm nghề. Các đám trong họ bao gồm giỗ tổ, đám cưới, đám ma, các đám mừng nhà mới, mừng thọ...

Các đám của hàng xóm chủ yếu chỉ có đám cưới và đám ma.

Họp bàn việc làng gồm những việc như làm đường sá, đường điện sinh hoạt. Các công việc sản xuất và phân phối lợi ích được họp bàn trong đội sản xuất.

Kết quả khảo sát trên cho thấy: Trong các công việc nhà, nam chủ yếu điều hành sản xuất, nữ chủ yếu quản lý ngân sách gia đình. Ở xã Cộng Hoà, tỷ lệ nam giới quản lý ngân sách cao hơn ở xã Thanh Lương khá nhiều (42% so 10%). Có thể do ngành nghề phi nông nghiệp tại đây đã phát triển, nam giới có vai trò trong kinh doanh nhiều hơn.

Dự các việc họ chủ yếu là người chồng. Người vợ hầu như không đi một mình mà thường đi cùng chồng.

Dự các việc của làng xóm ở cả hai nơi chủ yếu do người chồng.

Riêng họp đoàn thể như sinh hoạt Đảng, Đoàn thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, phụ lão... phụ nữ tham gia khá đông. Trong việc đi lễ đình chùa phụ nữ cũng chiếm tỷ lệ khá cao.

Các con chỉ có vai trò trong sinh hoạt đoàn thể.

7. Quan hệ vay mượn của nông hộ

Quan hệ này bao gồm: Vay, cho vay và góp phưởng bạn.

Quan hệ vay mượn xưa kia chỉ tồn tại giữa những người cùng gia đình, dòng họ, làng xóm, bạn bè⁽¹⁾. Trong những năm gần đây (từ thời kỳ đổi mới) còn bao gồm cả quan hệ giữa nông dân và các loại ngân hàng nhà nước (như ngân hàng nông nghiệp...), các quỹ tín dụng của các tổ chức và đoàn thể.

Quan hệ vay mượn vốn rất sôi động và thường xuyên trong đời sống của cá nhân và nông hộ.

Bảng 6: Quan hệ vay mượn của nông hộ tại Thanh Lương và Cộng Hoà

Đv:%

Đối tượng	Xã Thanh Lương					Xã Cộng Hoà				
	Vay	Cho vay	Góp phường	Cổ phần	Tổng số	Vay	Cho vay	Góp phường	Cổ phần	Tổng số
Bố mẹ	2,5				2,5	2,6	0,2			2,8
Con cái	0,9				0,9	0,7	3,3			4
Anh chị em	12,4		0,9		13,3		0,7			0,7
Họ hàng	2,4				2,4	1,5	0,5	0,8		2,8
Bạn bè, hàng xóm	7,7	1,8	1,7		11,2	8,1	39	13,1		60
Con nợ							4,2			4,2
Ngân hàng, tín dụng	68,3				68,3	18			2	20
Các đoàn thể*	1,2				1,2	1,1	3,6**			4,7
Tổng số	95,6	1,8	2,6		100	32	52	14	2	100

Nguồn: Nghiên cứu thực địa 1997 - 1998

* Gồm hội nông dân tập thể, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh ở cấp tỉnh và huyện.

** Hợp tác xã vay để trả nợ ngân hàng.

Nhìn vào cơ cấu trung bình các vốn vay cho vay góp phường và đóng cổ phần của nông hộ cho thấy: Ở xã Thanh Lương chưa có cổ phần như ở xã Cộng Hoà; Ở xã Cộng Hoà đã thành lập Quỹ tín dụng nhân dân của xã, còn ở xã Thanh Lương cho tới 1997 chưa có quỹ này.

Tại xã Thanh Lương vốn vay chiếm tỷ trọng lớn nhất trong quan hệ tài chính giữa các nông hộ (95,6%), trong khi ở Cộng Hoà lại là vốn cho vay (52%). Phải chăng những người được phỏng vấn tại Thanh Lương ngại khai việc cho vay của mình, vì nguồn vốn vay nhau của họ chiếm tới 27,3%. Nguồn vốn lớn nhất mà nông hộ tại Thanh Lương vay được là từ ngân hàng nông nghiệp tỉnh Lai Châu (68,3%), nguồn lớn thứ hai là từ các anh chị em ruột (12,4%).

Tại xã Cộng Hoà, nguồn vốn vay lớn của nông hộ cũng là ngân hàng và quỹ tín dụng các loại (18% tổng tài chính), nhưng nguồn này còn nhỏ hơn nguồn mà nông hộ cho bạn bè và hàng xóm vay (39% tổng tài chính được khảo sát). Vốn góp phường giữa các nông hộ cùng xóm và bạn bè với nhau chiếm tỷ lệ lớn thứ ba trong ngân quỹ được khảo sát (13,1%).

Các đoàn thể xã hội còn đóng vai trò quá khiêm tốn trong tạo nguồn vốn cho nông hộ. Ở đây Hội nông dân tập thể chưa có vai trò như ở Đà Loan trong việc tạo vốn, tìm thị trường, dịch vụ nông nghiệp cho nông dân⁽²⁾.

Tại cả hai địa điểm, nguồn vốn của bố mẹ và con cái chiếm tỷ trọng nhỏ bé trong quan hệ tài chính của các nông hộ: Tại Thanh Lương nguồn vốn này chỉ chiếm 3,4%, tại xã Cộng Hoà: 3,2%. Có thể tỷ trọng này do tỷ số hộ bố mẹ - con cái nhỏ bé hơn các loại hộ anh chị em ruột, bạn bè hàng xóm ?

Như vậy chỉ xét quan hệ tài chính giữa các nông hộ với nhau, ngoài quan hệ mới với ngân hàng và các đoàn thể xã hội, bạn bè và hàng xóm, người cùng xã là đối tác vay mượn, góp vốn nhiều nhất của các nông hộ. Hiện tượng tại Thanh Luông tỷ trọng vốn của anh chị em ruột cho nhau vay mượn tương đối lớn - tới 13,3%, có thể chỉ xảy ra trong năm được điều tra, nhưng cũng có thể do các hộ này gắn bó mật thiết với nhau hơn ở quê cũ trong quá trình lập nghiệp ở môi trường mới. Ở quê cũ tỷ lệ vốn vay mượn của anh chị em ruột chỉ chiếm 0,7%.

Tỷ lệ góp phường tại quê mới nhỏ bé hơn quê cũ khá nhiều (1,7% so với 13,1%) và hiện tượng vừa nêu trên khiến người nghiên cứu phải suy nghĩ về vai trò của quan hệ gia đình truyền thống trong đời sống kinh tế của nông hộ: *Phải chăng quan hệ gia đình chỉ hữu ích với nông hộ trong công việc đồng áng, nhưng lại bất lợi trong quan hệ vay mượn?*

Thực tế này nếu được so sánh cụ thể với quan hệ kinh tế của những người thân thuộc của các dân tộc khác chắc sẽ hữu ích vô cùng.

NHẬN XÉT

Qua nghiên cứu so sánh quan hệ hôn nhân, huyết thống và gia đình của người Kinh ở quê cũ tại châu thổ tỉnh Thái Bình và ở quê mới tại vùng núi huyện Điện Biên thấy một số nét tương đồng và khác biệt sau:

- Những nét tương đồng:

- + Trong quan hệ hôn nhân theo nơi cư trú
- + Trong loại hình và cấu trúc gia đình
- + Trong trình độ học vấn của các thành viên gia đình
- + Trong đời sống tinh thần của gia đình.

- Những nét khác biệt

- + Trong địa bàn lập nghiệp của những người họ hàng ruột thịt
- + Quan hệ vay mượn giữa các gia đình cùng họ hàng
- + Vai trò của bố mẹ và con cái, vợ và chồng trong các việc nhà và việc họ hàng, làng xóm cũng như việc tập thể và cộng đồng.

Sự giống và khác nhau này cho chúng ta những cứ liệu để suy xét về sự quy định của nền tảng nông nghiệp chung trong cả nước (vị trí nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân cũng như trong đời sống ở mỗi địa phương) và của điều kiện nông nghiệp đặc thù mỗi nơi đối với sự tồn tại và biến đổi của gia đình.

Hy vọng những cứ liệu theo hướng này sẽ được bổ sung để làm phong phú hiện thực nghiên cứu, bảo đảm cho những nhìn nhận khách quan hơn.

Chú thích:

1. Trước đây việc góp phường bạn (hoặc: chơi họ, góp họ, đóng họ) tức một số người rủ nhau góp tiền hoặc thóc làm vốn cho nhau vay để làm ăn hoặc chi dùng vào việc hiếu, việc hỉ của gia đình. Phường bạn xưa còn được gọi là hội tư cấp (Phan Kế Bính. Việt Nam phong tục, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr.183-187).
2. Đỗ Tiến Sâm. Công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn của Đài Loan và những bài học đối với Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc, Hà Nội, tr.76-82.